

Bản án: 14 /2018/HNGĐ - ST

Ngày 28 - 8 - 2018

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân :

1- Bà Nguyễn Thị Bắc;

2- Bà Chu Thị Hảo;

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Hằng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Động.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên toà: Ông Hoàng Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018; tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 71/2018/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 5 năm 2018, về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXX- ST, ngày 09 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Vi Văn Đ, sinh năm 1979. Có mặt;
Địa chỉ: Khu Đ, thị trấn A Ch, huyện S Đ, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** Chị Ngô Thị H, sinh năm 1977. Có mặt;
Địa chỉ: Khu Đ, thị trấn A Ch, huyện S Đ, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo có trong hồ sơ, nguyên đơn anh Vi Văn Đ trình bày: Anh kết hôn với chị Ngô Thị H vào tháng 01 năm 2002, trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới, sau có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn A Ch. Cưới xong chị H về gia đình tôi ở làm dâu luôn, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Phát sinh từ đầu tháng 12/2017, do vợ chồng không hợp nhau, bảo nhau không ai nghe ai nên hay cãi nhau nhiều lần; vợ chồng vẫn sống chung một nhà nhưng đã sống ly thân tình cảm từ cuối tháng 12 năm 2017 cho đến nay.

Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên anh đề nghị Tòa án cho anh và chị H được ly hôn nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, cháu Vi Thị H1, sinh ngày 26/10/2001, cháu Vi Văn L, sinh ngày 02/4/2007, hiện nay các cháu đang ở cùng bố mẹ; nếu vợ chồng ly hôn thì nguyện vọng các cháu ở với ai thì người đó nuôi, nếu chị H nuôi cả hai cháu thì anh nhận có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Ngô Thị H xác nhận một phần lời khai của anh Đ trong quá trình tham gia tố tụng giải quyết vụ án, tại phiên tòa chị Hoa trình bày: Chị kết hôn cùng anh Vi Văn Đ vào tháng 11 năm 2001, trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới, sau có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn A Ch. Cưới xong chị về gia đình anh Đ ở làm dâu luôn, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Vợ chồng không có mâu thuẫn gì cả, năm 2017 do anh Đ đi theo người con gái khác nên đã xin ly hôn chị; vợ chồng sống chung một nhà nhưng đã sống ly thân tình cảm từ tháng 01 năm 2018 cho đến nay.

Chị xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, nên anh Đ xin ly hôn chị không đồng ý, chị muốn vợ chồng về sống đoàn tụ để nuôi con;

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, cháu Vi Thị H1, sinh ngày 26/10/2001, cháu Vi Văn L, sinh ngày 02/4/2007, hiện nay các cháu đang ở cùng bố mẹ; nếu vợ chồng ly hôn thì nguyện vọng các cháu ở với ai thì người đó nuôi, nếu chị nuôi cả 02 con thì chị có yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng là 2.000.000đ/tháng/2 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa hôm nay: Anh Vi Văn Đ vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị H được ly hôn theo quy định của pháp luật, còn chị H không đồng ý ly hôn.

* Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 19; khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 57; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4, Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6, Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Vi Văn Đ và chị Ngô Thị H được ly hôn nhau.

Về con chung: Giao cho chị Ngô Thị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Vi Thị H1, sinh ngày 26/10/2001; cháu Vi Văn L, sinh ngày 02/4/2007; anh Vi Văn Đ

cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng là 2.000.000đ/2 cháu/tháng cho đến khi từng cháu đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 9 năm 2018.

Về án phí: Anh Vi Văn Đ phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn anh Vi Văn Đ, bị đơn chị Ngô Thị H và những tài liệu, chứng cứ do các bên cung cấp có trong hồ sơ thì có cơ sở xác định: Anh Vi Văn Đ kết hôn với chị Ngô Thị H vào ngày không nhớ tháng 11 năm 2001 trên cơ sở có sự tìm hiểu và tự nguyện, sau có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn A Ch số: 03 ngày 14/01/2002; cưới xong chị H về gia đình anh Đ ở luôn, tình cảm ban đầu hòa thuận, hạnh phúc; xác nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị H là hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau thì mâu thuẫn xảy ra bắt đầu từ cuối năm 2017, do vợ chồng không hợp nhau, bảo nhau không ai nghe ai nên hay cãi nhau nhiều lần, vợ chồng đã sống ly thân tình cảm từ tháng 01 năm 2018 cho đến nay. Nay anh Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh và chị H được ly hôn nhau, còn chị H muốn vợ chồng về đoàn tụ gia đình, chị H không đồng ý ly hôn.

Xét thấy: Anh Đ, chị H tính cách sống không hợp nhau, bảo nhau không ai nghe ai nên hay cãi nhau nhiều lần, vợ chồng đã sống ly thân tình cảm một thời gian dài; anh Đ đã vi phạm nghĩa vụ chung sống vợ chồng, không thương yêu, tôn trọng, quan tâm chăm sóc và chia sẻ cùng với vợ con, mục đích hôn nhân giữa anh Đ và chị H không đạt được; do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh Vi Văn Đ xin ly hôn chị Ngô Thị H theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh Đ, chị H có hai con chung, cháu Vi Thị H1, sinh ngày 26/10/2001, cháu Vi Văn L, sinh ngày 02/4/2007. Hiện nay các cháu đang ở cùng anh Đ, chị H. Anh Đ, chị H thỏa thuận nhất trí để chị H nuôi cả 2 cháu và các cháu đều có ý kiến xin ở với chị H. Xét thấy thỏa thuận giữa anh Đ và chị H cũng như ý kiến các cháu là hợp lý; cần giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu H1 và cháu L.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa anh Đ và chị H thỏa thuận cấp dưỡng tiền nuôi con 2.000.000đ/1 tháng/ 2 cháu cho đến khi từng cháu đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 9/2018 là hợp lý; do vậy, cần chấp nhận sự thỏa thuận giữa anh Đ và chị H.

[3] Về tài sản: Anh Đ, chị H không yêu cầu giải quyết về quan hệ tài sản, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Đ yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các áp dụng Điều 19; khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 57; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4, Điều 147; Điều 271; khoản 1, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6, Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Vi Văn Đ và chị Ngô Thị H được ly hôn nhau.

2. Về con chung: Giao cho chị Ngô Thị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Vi Thị H1, sinh ngày 26/10/2001; cháu Vi Văn L, sinh ngày 02/4/2007.

Anh Vi Văn Đ cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng là 2.000.000đ/2 cháu/tháng (mỗi cháu 1.000.000đ/tháng) cho đến khi từng cháu đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 9 năm 2018.

Anh Đ có quyền thăm con sau khi ly hôn không ai được cản trở anh Đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Anh Vi Văn Đ phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con; anh Đ đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí DSST, biên lai số AA006915, ngày 23/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện S Đ, được khấu trừ vào tiền án phí.

Án xử sơ thẩm; báo cho đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Sơn Động;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND TT An Châu;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Toàn